

# CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI CHĂM Ở NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

LÝ HOÀNG NAM\*

*Kinh tế của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận chủ yếu dựa vào nông nghiệp, trong đó trồng lúa nước đóng vai trò chủ đạo. Trước đổi mới, sản xuất nông nghiệp của người Chăm mang tính tự túc, tự cấp; sang thời kỳ kinh tế thị trường, sự vận dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất đã làm chuyển đổi phương thức sản xuất trong nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp của người Chăm trở thành hàng hóa, là nhân tố quyết định nâng cao đời sống cộng đồng người Chăm ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận.*

*Từ khóa:* người Chăm, Ninh Thuận, Bình Thuận, nông nghiệp, chuyển đổi

*Nhận bài ngày: 11/6/2019; đưa vào biên tập: 18/6/2019; phản biện: 9/7/2019; duyệt đăng: 7/11/2019*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ninh Thuận và Bình Thuận là nơi người Chăm cư trú lâu đời và có số lượng người Chăm tập trung đông nhất (101.964 người) (Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, 2015). Hiện nay, ở 2 tỉnh này, người Chăm sinh sống ở 35 làng cổ truyền, chia thành hai nhóm chính: Chăm Ahier (Chăm Balamon) và Chăm Awal (Chăm Bani). Ngoài ra, còn một bộ phận Chăm Islam (Hồi giáo mới) và nhóm Chăm không theo tôn giáo nào, tuy nhiên số này rất ít.

Là cư dân sống ở khu vực đồng bằng ven biển nên hình thái hoạt động kinh tế truyền thống chủ yếu của người

Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận là sản xuất nông nghiệp. Việc trồng lúa nước của người Chăm hiện nay không chỉ dựa trên sự tích lũy kinh nghiệm sản xuất với trình độ canh tác và kỹ thuật ngày càng cao mà còn có hệ thống thủy nông được xây dựng khá hoàn chỉnh.

Để tìm hiểu phương thức hoạt động trong nông nghiệp của người Chăm, chúng tôi vận dụng lý thuyết sinh thái văn hóa, theo nghĩa văn hóa là sự thích nghi với môi trường tự nhiên. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá khái quát quá trình chuyển đổi về kinh tế nông nghiệp của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận thời kỳ đổi mới với những tác nhân của sự chuyển đổi này.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

\* Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2.1. Địa bàn nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu chính mà chúng tôi chọn để tiến hành khảo sát và thu thập thông tin là xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận và xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Ngoài ra, chúng tôi đã điền dã tại một số địa bàn có đông người Chăm như: xã Phan Hòa, Phan Thanh (Bình Thuận), thị trấn Phước Dân, xã Phước Hữu (Ninh Thuận) từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2019.

## 2.2. Phương pháp thu thập tài liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học để tiến hành thu thập tư liệu ở các địa bàn nghiên cứu: chúng tôi đã phỏng vấn sâu các nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong cộng đồng và những doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi tại địa bàn. Bên cạnh đó, bằng phương pháp quan sát tham dự, chúng tôi cũng tham gia với cộng đồng trong quá trình sản xuất, để thu thập thông tin định tính một cách chính xác nhất. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng nguồn tài liệu thứ cấp là báo cáo của các ban ngành địa phương được khảo sát.

## 2.3. Lý thuyết được sử dụng

### - Lý thuyết sinh thái học văn hóa

lý giải hiện tượng biến đổi trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người Chăm, dưới tác động của điều kiện tự nhiên, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thời tiết của khu vực Nam Trung bộ. Với lượng mưa hàng năm ngày càng ít đi, nắng hạn kéo dài, là một trong những yếu tố tác động trực tiếp làm biến đổi các

hoạt động sản xuất của người Chăm trong tổng thể đời sống kinh tế, văn hóa xã hội.

- **Lý thuyết lựa chọn duy lý** chỉ ra rằng, các cá nhân dựa trên các cân nhắc lý trí để đạt được kết quả phù hợp với mục tiêu cá nhân của họ. Những quyết định này cung cấp cho mọi người lợi ích hoặc sự hài lòng lớn nhất dựa trên các lựa chọn có sẵn - và cũng vì lợi ích cá nhân cao nhất cho họ. Quan điểm lý thuyết này cho chúng tôi lý giải việc nông dân người Chăm chọn lựa phương thức để sản xuất, từ lựa chọn cây trồng, con giống đến kỹ thuật trong nuôi trồng đều có tính hợp lý riêng, trên cơ sở tri thức truyền thống của cộng đồng.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Chuyển đổi trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi

Từ năm 1975 đến năm 1986, sự chuyển dịch trong cơ cấu cây trồng vật nuôi hầu như không rõ nét, đồng bào Chăm ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận tập trung chuyên canh cây lúa, năng suất không cao, do phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, chưa chủ động được nguồn nước tưới cho sản xuất.

Từ sau năm 1986, đặc biệt là từ năm 2004 trở lại đây, chính quyền hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đã có nhiều chương trình, dự án đầu tư tại vùng đồng bào Chăm, tạo chuyển biến tích cực, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào Chăm, nên năng suất và chất lượng sản phẩm mỗi năm

đều tăng cao, quy mô sản xuất được mở rộng đã hình thành nhiều vùng chuyên canh tập trung.

Đối với các cây trồng chính hàng năm, nhờ xây dựng các hồ chứa nước và hệ thống tưới tiêu đồng bộ nên tổng diện tích gieo trồng đến năm 2014 đạt 105.638ha, trong đó vùng đồng bào Chăm chiếm khoảng 1/3 diện tích gieo trồng, với các cây trồng chủ lực chủ yếu là: cây lúa, cây bắp, cây nho, cây táo chiếm 1.116ha (Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, 2015). Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được chuyển giao tại vùng đồng bào Chăm, như mô hình “1 phải 5 giảm”, “cùng nông dân ra đồng”, “cánh đồng mẫu lớn”<sup>(1)</sup>... làm tăng năng suất, nâng cao thu nhập so với sản xuất truyền thống trước những năm 1986 (Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, 2015).

Cơ cấu cây trồng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường tiêu thụ, phát huy được lợi thế tại vùng đồng bào Chăm. Trong đó, cây lương thực chiếm ưu thế nhờ thực hiện cơ giới hóa từ khâu làm đất đến thu hoạch và thuận lợi trong tiêu thụ với giá cả có lợi cho người sản xuất. Cây công nghiệp chuyển dịch theo hướng tập trung vào các cây trồng chính gắn với chế biến và được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm như: nho, mía, thuốc lá, mì, thanh long và điều.

Nhiều hộ đồng bào Chăm đã và đang đầu tư một số mô hình trồng cây ăn

quả, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày có giá trị kinh tế cao (thanh long, giống nho mới Châu Âu, sen lấy hạt, tiêu, cao su, đào lộn hột, mè...).

Cây nho và cây thanh long là cây trồng chủ lực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng của vùng Ninh Thuận và Bình Thuận, nhưng giá trị cung ứng thị trường chưa tương xứng với tiềm năng của vùng. Các loại trái cây này chưa tạo thành thương hiệu mạnh trong khu vực. Do đó, việc liên kết giữa các hộ nông dân với doanh nghiệp là định hướng trong chính sách phát triển cơ cấu cây trồng của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận và đã được triển khai thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, việc chuyển đổi các giống cây trồng mới chưa đạt kết quả cao. Mặc dù các giống cây trồng mới như nho Châu Âu, thanh long ruột tím được nhà nước khuyến khích bà con người Chăm trồng để bán được giá trị cao nhưng theo tính toán của bà con thì việc trồng theo giống mới chưa thực sự hiệu quả vì chi phí đầu tư cao.

Theo người dân tính toán: “Trồng giống mới, giá trị cao nhưng phải đầu tư lại đủ thứ, mà kỹ thuật nhiều hơn nữa, tôi sợ không có lời nhiều. Ở đây ít có người dám trồng giống mới lắm, chỉ có mấy nhà khá giả người ta làm, nhưng trước mắt tính ra lo lắng nhiều mà lời cũng không nhiều hơn giống cũ bao nhiêu nên tôi và những hộ ở đây làm giống cũ cho an tâm” (nam, sinh năm 1958, Ninh Thuận).

Như vậy, đồng bào Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận, mặc dù có các mô hình liên kết giữa nông dân và công ty dịch vụ nông nghiệp, theo đó công ty và nông dân ký kết hợp đồng với phân nhiệm công ty cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cử kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn, nhưng thực tế cho thấy các hộ sản xuất theo quy mô gia đình nhỏ lẻ thì việc chuyển đổi cây giống vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của phương pháp mới. Do đó, người dân tự chọn lựa phương thức sản xuất theo truyền thống lâu nay - dựa vào kinh nghiệm dân gian, kết hợp với một số ứng dụng kỹ thuật đơn giản.

Sự lựa chọn duy lý gắn với kinh nghiệm sản xuất của người dân là có cơ sở. Mặc dù điều này mâu thuẫn với lợi ích của việc liên kết với doanh nghiệp, nhưng đối với bà con nông dân thì quyết định này vẫn đảm bảo tính ổn định và ít rủi ro.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi được xác định là ngành sản xuất chính của đồng bào Chăm. Nếu những năm trước đây chăn nuôi heo và nuôi trâu, bò quản canh truyền thống là phổ biến thì những năm gần đây đại bộ phận hộ chăn nuôi theo bán thâm canh và mô hình trang trại. Tổng đàn trâu, bò, dê, cừu của đồng bào Chăm đến cuối năm 2014 có trên 310.128 con<sup>(2)</sup>. Trước đây gia súc thường nuôi là con giống của địa phương, hiện nay đã thực hiện chương trình cải tạo lai Sind hóa đàn bò, dê, cừu; ngoài ra đồng bào Chăm còn biết tận dụng

khu vườn chăn nuôi loại gia cầm khác như gà, vịt... để tăng thu nhập cho gia đình.

Hoạt động chăn nuôi đã có chiều hướng phát triển theo gia trại và trang trại, từng bước khôi phục và ổn định đàn. Trong đó, đa số các hộ đồng bào Chăm đều có chăn nuôi tại gia đình với quy mô nhỏ lẻ, một số gia đình mở rộng chăn nuôi tập trung theo kinh tế trang trại. Đến năm 2014 vùng đồng bào Chăm tỉnh Ninh Thuận có 165 gia trại và 23 trang trại chăn nuôi heo, 279 gia trại và 3 trang trại chăn nuôi gia cầm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận, 2014: 6).

### **3.2. Chuyển đổi trong hoạt động trồng trọt**

Kỹ thuật trồng trọt vùng đồng bào Chăm những năm gần đây khá phát triển với việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đến năm 2014 tỉnh Ninh Thuận thực hiện cơ giới hóa 95% khâu làm đất (tăng 43% so với năm 2004, tăng 70% so với năm 1994) và hơn 90% khâu thu hoạch lúa (tăng 35% so với năm 2004, tăng 75% so với năm 1994) (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận, 2014: 8). Đặc biệt, nhờ phát huy hiệu quả đầu tư các công trình thủy lợi<sup>(3)</sup>, vùng đồng bào Chăm đã mở rộng diện tích chủ động nước, tăng hệ số sử dụng đất gắn với thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, nhất là sản xuất lúa nước<sup>(4)</sup>, bình quân lương thực đầu người năm 2014 đạt từ 550-600kg/người/năm (xã Phan Thanh, Phan

Hòa, Phan Hiệp thuộc huyện Bắc Bình có năm bình quân đạt 1.200kg thóc/người/năm), (tăng 30% so với năm 2004, tăng 70% so với năm 1994) (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận, 2014: 4).

*- Chuyển đổi trong kỹ thuật canh tác ruộng nước*

Trong thời kỳ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, khi chưa chuyển dịch cơ cấu cây trồng thì cây lúa luôn là cây trồng chính. Hiện nay, mặc dù cây lúa nước vẫn có vị trí quan trọng nhất trong đời sống của người Chăm, nhưng quá trình canh tác, cơ cấu mùa vụ đã có nhiều thay đổi.

*Về giống lúa mới.* Khi nói đến các giống lúa người Chăm đang canh tác, có thể thấy sự chuyển đổi nhanh chóng theo chiều hướng tích cực. Nếu như thời kỳ trước năm 1986, giống lúa chính được sử dụng là những giống lúa truyền thống, thì hiện nay người Chăm đã sử dụng đại trà các giống lúa mới.

Theo số liệu thống kê của huyện Ninh Phước, người Chăm cũng như người dân trong huyện hiện đang sử dụng các giống lúa mới phổ biến là TH6, TH41, Vin 3, Ma Lâm 48 được trung tâm khuyến nông cung ứng cho các cánh đồng mẫu lớn, mỗi cánh đồng lên đến 100ha. Tất cả các giống lúa này đều được đánh giá là cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, từ 2013, theo chương trình kết hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, vùng dân tộc Chăm của huyện đã ứng dụng thành công một số loại

giống lúa mới cho năng suất cao như: IR 50404, Jasmine 85, OM 5451, OM 4218.

Theo báo cáo của xã Phước Nam việc cấy các giống lúa mới được ưu tiên hơn cả trong vụ đông xuân năm 2017 - 2018 (xem Bảng 1).

Bảng 1. Các giống lúa vụ đông xuân năm 2017 - 2018 của xã Phước Nam

Đơn vị tính: %

| Thời điểm        | Các giống lúa                                                | Diện tích gieo trồng (%) |
|------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Lúa sớm chính vụ | Cây rít, Candun, IaPariak                                    | 20                       |
| Lúa muộn         | TH6, TH41, Vin 3, Ma Lâm 48, thần nông ngắn hạn, Jasmine 85. | 80                       |

*Nguồn:* Ủy ban Nhân dân xã Phước Nam, 2017.

Cũng theo báo cáo này, trên địa bàn xã giống lúa mới được đưa vào gieo cấy hàng năm tăng từ 32% năm 2000 lên 49% năm 2005 và đạt 80% năm 2018. Bên cạnh việc dùng các giống lúa mới thì một số hộ người Chăm vẫn gieo trồng các giống lúa nếp truyền thống để phục vụ cho nhu cầu vào dịp lễ, tết.

*Về kỹ thuật canh tác, phân bón và tưới tiêu.* Bên cạnh việc duy trì sử dụng các hình thức canh tác cổ truyền như trâu quăn, gieo mạ, cấy... người dân đã bắt đầu áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nếu trước đây canh tác trâu quăn là chủ yếu thì hiện nay người dân đã dần chuyển sang dùng máy cày. Việc cơ giới hóa đang ngày càng phát triển ở

vùng người Chăm. Năm 2014, đã có 131,24ha trồng lúa được cơ giới hóa trên tổng 165,5ha, chiếm 80% diện tích toàn xã Phước Nam.

Trong thu hoạch lúa trước đây, người Chăm thường gặt lúa bằng liềm và hái, đập lúa bằng kẹp tre hoặc dùng trâu (lúa gặt về rải ra sân, cho trâu đi lại nhiều lần trên lúa để thóc rụng ra). Hiện nay, ở các xã vùng người Chăm đã có nhiều hộ mua máy tuốt lúa liên hoàn để phục vụ cho gia đình và cho thuê. Trung bình mỗi làng người Chăm có 3 máy tuốt lúa hiện đại, giá trung bình của mỗi máy tuốt lúa từ 15 đến 20 triệu đồng. Để tận dụng hết công dụng của máy, các gia đình này thường đi tuốt lúa thuê ở các cánh đồng vào mùa gặt, tiền công được trả từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng mỗi sào lúa.

Trước đây, phân chuồng được sử dụng phổ biến trong trồng trọt. Hiện nay phân hóa học và thuốc trừ sâu được người Chăm sử dụng phổ biến hơn, được coi là điều kiện quyết định đến năng suất của một vụ lúa.

Bảng 2. Năng suất lúa ở các xã người Chăm qua một số năm

Đơn vị: tạ/ha

| Xã<br>Năm | Phan Thanh | Phước Nam |
|-----------|------------|-----------|
| 2005      | 44,5       | 45,4      |
| 2009      | 50,5       | 59        |
| 2013      | 52,5       | 59,4      |
| 2018      | 70         | 80,2      |

Nguồn: Ủy ban Nhân dân xã Phước Nam, 2018; Ủy ban Nhân dân xã Phan Thanh, 2018.

Bên cạnh đó, những nơi chân ruộng cao canh tác lúa trước đây chủ yếu chờ mưa, do hệ thống mương dẫn nước còn đơn giản. Hiện nay, phần lớn hệ thống thủy lợi ở các xã đã được bê tông hóa. Nhờ có hệ thống thủy lợi cung cấp đầy đủ nước tưới cho các cánh đồng mẫu lớn nên năng suất và sản lượng lúa của người Chăm trong những năm qua cao hơn giai đoạn trước.

#### - Chuyển đổi về phương thức canh tác

Theo tìm hiểu của chúng tôi, kỹ thuật trồng trọt của người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận đã có những thay đổi theo phương thức mới. Trước năm 1986, kỹ thuật sản xuất được áp dụng chủ yếu từ tự tích lũy kinh nghiệm hoặc học hỏi được từ người thân, cộng đồng, thì ngày nay, người Chăm còn học được từ các đơn vị khuyến nông, các chương trình khuyến nông của Nhà nước để áp dụng theo tiến bộ khoa học và kỹ thuật hiện đại. Chính điều này đã làm thay đổi vốn tri thức trong trồng trọt của người Chăm.

Những thay đổi đó được biểu hiện khá cụ thể qua việc áp dụng kỹ thuật đối với từng loại cây trồng. Hiện nay, hoạt động nông nghiệp vùng đồng bào Chăm thực hiện theo nông lịch rõ ràng được hoạch định từ Hội Khuyến nông. Trong quá trình canh tác, tùy theo từng loại giống mà có phương thức canh tác khác nhau; những kiến thức về việc chọn giống, khoảng cách giữa các cây trồng và độ sâu khi cày xới đất được người Chăm nắm rõ. Sự

thay đổi này do nhiều yếu tố tác động, trong đó chính sách phát triển của Nhà nước, việc áp dụng khoa học kỹ thuật là những yếu tố cốt lõi, ngoài ra còn do sự đan xen đa tộc người dẫn đến việc học hỏi kỹ thuật lẫn nhau.

#### + Mô hình sản xuất

Bên cạnh phương thức truyền thống, ngày nay vùng đồng bào Chăm hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kiểu mới. Ở nhiều xã thuộc huyện Ninh Phước và Bắc Bình đã hình thành một hình thái tổ chức sản xuất liên kết giữa các hộ gia đình. Đó là mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Điển hình của loại hợp tác xã này có

thể thấy ở xã Phước Nam (huyện Thuận Nam), Phước Thái (huyện Ninh Phước), xã Phan Thanh (huyện Bắc Bình) và một vài xã khác. Đây là loại hình dịch vụ nông nghiệp trong các khâu thủy lợi, giống, vật tư nông nghiệp, làm đất, bảo vệ thực vật, thu hoạch... Vốn kinh doanh của hợp tác xã do các hộ gia đình tự nguyện đóng theo phương thức cổ phần. Ví dụ Hợp tác xã thôn Như Bình có 270 cổ đông với cổ phần mệnh giá là 500.000đ; còn máy móc như máy cày, máy bừa, máy tuốt lúa, xe vận chuyển... là của các hộ gia đình thành viên hợp tác xã, chủ yếu là của các chủ trang trại. Các máy cày được hợp tác xã phân việc làm thuê cho các hộ gia đình. Tiền

Bảng 3. Canh tác lúa nước trước và sau năm 1986

| Đặc điểm<br>lúa nước | Trước năm 1986                                                                                                     | Từ sau 1986 đến 2018                                                                                                                                                        |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giống lúa            | Các giống lúa truyền thống: lúa chiêm, Càng rít, Candun, la Pariak                                                 | TH6, TH41, Vin 3, Ma Lâm 48, thàn nông ngắn hạn, Jasmine 85.                                                                                                                |
| Cơ cấu mùa vụ        | Chỉ có một vụ lúa trong năm                                                                                        | Hai hoặc ba vụ lúa tùy khu vực                                                                                                                                              |
| Kỹ thuật gieo mạ     | Gieo mạ tại đất ruộng                                                                                              | Gieo mạ trực tiếp tại ruộng, làm đất theo kỹ thuật mới, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu để đảm bảo mạ tốt cho mùa vụ.                                                       |
| Kỹ thuật chăm sóc    | Sử dụng các loại phân chuồng, ủ lá rừng làm phân xanh bón cho lúa. Nguồn nước phụ thuộc vào tự nhiên.              | Sử dụng các loại phân bón: phân ba màu, phân chuồng, thuốc trừ sâu, cung cấp đủ nước cần thiết.                                                                             |
| Quy trình thu hoạch  | Khi đến mùa thu hoạch, người dân gặt lúa rồi gánh lúa về nhà phơi (hoặc phơi khô ở ruộng), dùng trâu bò để ôn lúa. | Khi thu hoạch, cắt lúa bằng liềm, bằng máy, dùng trâu, bò, xe cơ giới vận chuyển về nhà hoặc tuốt lúa ngay tại ruộng. Khi ra thành phẩm phơi khô, cắt để sử dụng hàng ngày. |
| Năng suất            | Năng suất trung bình đạt từ 10 - 12 tạ/ha                                                                          | Năng suất trung bình đạt trên 55 tạ/ha                                                                                                                                      |

Nguồn: Tác giả khảo sát thực địa, 2015.

công làm thuê được các hộ thuê việc trả cho chủ máy thông qua hợp tác xã, trong đó 5% được giữ lại chi cho quản lý phí của hợp tác xã. Trong cung cấp giống, vật tư nông nghiệp và thủy lợi, hợp tác xã có thể bán hoặc cho vay qua vụ dưới hình thức tín dụng với lãi suất 1,8 - 2%/tháng (trường hợp Hợp tác xã nông nghiệp Như Bình, 2014)<sup>(5)</sup>.

Những chuyển biến tích cực trong canh tác lúa nước giúp cho năng suất, sản lượng lúa không ngừng được tăng lên. Bảng 3 cho thấy những thay đổi trong canh tác lúa của người Chăm.

Ngoài ra, sự biến đổi về điều kiện tự nhiên, thời tiết khiến cho việc trồng trọt của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận hiện nay không thể chỉ áp dụng hệ tri thức truyền thống vốn có, mà phải tiếp thu những tri thức mới. Những thay đổi này, một mặt đem đến hiệu quả tích cực trong việc phát triển kinh tế cộng đồng, nhưng mặt khác cũng ảnh hưởng đến môi trường, như tình trạng lạm dụng chất hóa học. Đây là tình trạng chung, không chỉ diễn ra ở cộng đồng người Chăm mà trong toàn khu vực và cả nước ta nói chung.

### **3.3. Chuyển đổi trong hoạt động chăn nuôi**

#### *- Chuyển đổi về mục đích chăn nuôi*

Nếu như trước kia, người Chăm chăn nuôi chủ yếu phục vụ canh tác nông nghiệp, làm nguồn thức ăn hay phục vụ đời sống tâm linh thì ngày nay việc chăn nuôi đã vượt ra ngoài khuôn khổ ấy. Chăn nuôi được coi là một nguồn lực để phát triển kinh tế, một loại hàng

hóa có giá trị khi trao đổi ra bên ngoài. Sự chuyển đổi về mục đích trong chăn nuôi đã phá vỡ tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ trước đây, làm thay đổi nhận thức của cộng đồng tộc người về mô hình chăn nuôi, quy mô đàn.

#### *- Chuyển đổi về vật nuôi và kỹ thuật chăn nuôi*

Hiện nay, đồng bào Chăm đang có xu hướng đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng năng suất cao, chi phí thấp, đa dạng hóa các giống vật nuôi. Phát triển chăn nuôi gia súc phù hợp với địa phương như: bò, dê, cừu... theo hướng chuyên nghiệp, công nghiệp hóa, cải tiến chuồng trại đảm bảo thông thoáng và có công trình xử lý chất thải (biogas)<sup>(6)</sup>. Chính việc cải tiến phương thức chăn nuôi theo hướng tăng quy mô đàn, xây dựng cơ cấu đàn hợp lý, thực hiện các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng tiên tiến đã mang lại hiệu quả cao. Hơn vậy, việc chủ động trong công tác phòng chống dịch, bảo vệ thú y, đảm bảo an toàn dịch tễ cho đàn gia súc, gia cầm và các loại vật nuôi khác; xây dựng vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh; giảm chi phí điều trị, thuốc thú y đã góp phần giảm giá thành, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Sự chuyển dịch cơ cấu giống, vật nuôi ở vùng đồng bào Chăm trong những năm gần đây đã mang đến những thay đổi về tập quán chăn nuôi của cộng đồng. Nếu nhìn vào số lượng và chất lượng có thể thấy một sự tăng trưởng nhanh chóng ở các loại gia súc: bò, lợn, dê, cừu hay gia cầm.

Những chuyển đổi trong hoạt động chăn nuôi của người Chăm đã tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông nghiệp của địa phương.

#### + Chăn nuôi gia súc

Trong những năm gần đây, việc cải tạo chăn nuôi gia súc của người Chăm được triển khai thực hiện toàn diện thông qua các chương trình nâng cao chất lượng đàn trâu, bò, dê và cừu; phát triển mô hình lợn nái, lợn hướng nạc, bò lai<sup>(7)</sup>... đã tạo ra sự thay đổi về chất lượng của đàn gia súc. Cùng với đó, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về chọn con giống, về cách thức chăm sóc và nuôi dưỡng các loại gia súc để có chất lượng cao đã được triển khai đến từng hộ gia đình. Cơ cấu đàn gia súc của các hộ người Chăm cũng có những thay đổi rõ rệt (Bảng 4).

Bảng 4: Số lượng gia súc của người Chăm xã Phan Thanh qua một số năm

Đơn vị tính: con

| Năm | 2005  | 2013  | 2018  |
|-----|-------|-------|-------|
| Lợn | 582   | 508   | 980   |
| Bò  | 160   | 333   | 650   |
| Cừu | 1.250 | 2.497 | 2.879 |

Nguồn: Ủy ban Nhân dân xã Phan Thanh, 2018: 8.

Tuy nhiên, cách chăm sóc gia súc của người Chăm vẫn chủ yếu theo phương thức kết hợp nửa nuôi nhốt, nửa chăn thả; nguồn thức ăn (đồng cỏ, nguồn nước...) phụ thuộc vào thiên nhiên. Điểm mới trong kỹ thuật chăn nuôi gia súc là việc thực hiện nghiêm túc các quy trình phòng dịch, xây dựng chuồng trại, chuẩn bị tốt

nguồn thức ăn, tận dụng diện tích đất rộng rãi trồng các loại cây hoa màu như ngô, khoai lang để làm thức ăn cho gia súc. So với giai đoạn trước, chăn nuôi gia súc hiện nay không còn thuần túy sử dụng làm sức kéo mà đã chuyển sang chăn nuôi với mục đích thương mại. Trung bình mỗi hộ người Chăm nuôi từ 1 đến 3 con bò sinh sản trở lên; có gia đình có tới trên 20 con bò giống sinh sản.

Chăn nuôi dê của đồng bào Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận được coi là một bước chuyển đổi mới. Theo số liệu thống kê của huyện Ninh Phước thì năm 2005 có 9.000 con, năm 2009 tăng lên 13.080 con, năm 2014 là 15.009 con và năm 2018 là 17.088 con (Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Phước, 2014: 3). Khí hậu và địa hình ở vùng đồng bào Chăm sinh sống được coi là thích hợp với sự phát triển và sinh trưởng của đàn dê và cừu.

#### + Chăn nuôi gia cầm

Quy mô hoạt động chăn nuôi gia cầm của người Chăm trên địa bàn nghiên cứu vẫn ở mức nhỏ, chủ yếu nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình do đặc điểm địa hình và khí hậu không thuận lợi cho phát triển mô hình chăn nuôi lớn. Các loại gia cầm được nuôi chủ yếu là gà, vịt. So với giai đoạn trước, thời kỳ này, chăn nuôi gia cầm đã có sự chuyển dịch theo hướng hàng hóa (sử dụng thức ăn công nghiệp; khi đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong hộ gia đình, các sản phẩm gia cầm sẽ được mang ra trao đổi, buôn bán) nhưng chưa rõ

nét. Chất lượng gia cầm vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường, quy mô đàn gia cầm vẫn nhỏ.

Hiện nay người Chăm nuôi gia cầm trước hết để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng trong các bữa ăn của gia đình, sau đó mới tính đến nhu cầu thị trường. Chính mục đích này đã lý giải cho những thay đổi chậm chạp trong kỹ thuật chăn nuôi gia cầm của người Chăm. Mặc dù thị trường đã xuất hiện nhiều loại thức ăn chăn nuôi giúp đàn gia cầm lớn nhanh, sinh sản tốt, mang lại giá trị kinh tế cao, nhưng người Chăm vẫn duy trì các kỹ thuật chăn nuôi truyền thống, sử dụng thức ăn chăn nuôi là rau xanh, cám, gạo của gia đình. Trong Dự án nuôi gà thả vườn an toàn sinh học thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Phước Hữu năm 2018 có 15 hộ người Chăm tham gia (trên tổng 30 hộ) chiếm 50%. Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước trong dự án này là 880 triệu đồng, hỗ trợ bằng gà với tổng số 24.445 con, đàn gà sinh trưởng và phát triển tốt (Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Phước, 2014: 7).

#### 4. KẾT LUẬN

Các hoạt động nông nghiệp với những dạng thức khác nhau của người Chăm là kết quả của quá trình thích

nghi của tộc người này với môi trường tự nhiên ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận. Đánh giá từ góc độ lý thuyết lựa chọn hợp lý thì quá trình chuyển đổi các mô hình kinh tế của người Chăm là sự lựa chọn có chủ đích của cộng đồng này, trên cơ sở các điều kiện sẵn có sao cho phù hợp nhất với quá trình phát triển của nền sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Sự thay đổi này là do sự tác động của nhiều yếu tố, như chính sách phát triển của Nhà nước, quá trình cộng cư giữa các tộc người, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, yếu tố nội tại của cộng đồng trong sự lựa chọn hợp lý...

Nghiên cứu cho thấy hoạt động nông nghiệp vùng đồng bào Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận đã có những bước phát triển khả quan. Bên cạnh đó, trong quá trình chuyển đổi của ngành nông nghiệp cũng còn bộc lộ một số hạn chế như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa thật bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều, hoạt động chăn nuôi còn mang tính chất nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, mô hình nuôi trang trại quy mô lớn còn ít, từ đó làm cho kết quả sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu tiêu thụ của vùng. □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Mô hình “1 phải” là phải đưa giống lúa xác nhận vào canh tác; “5 giảm” là giảm giống từ gieo dày theo tập quán cũ từ 30-35 kg/sào giảm xuống còn 15-20 kg/sào; giảm lượng phân bón, hướng dẫn quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và bón phân đậm theo bảng so màu lá lúa để tránh dư thừa lượng đạm, giảm chi phí sản xuất; giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, hoàn toàn không dùng thuốc trừ sâu từ 1 đến

40 ngày sau sạ, hạn chế phun thuốc phòng ngừa sâu bệnh theo tập quán; giảm lượng nước tưới, xác định mực nước thích hợp cho việc ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước trên lúa, giảm chi phí bơm nước; giảm thất thoát sau thu hoạch, dùng máy gặt đập liên hợp thu hoạch đúng độ chín.

Mô hình: “cùng nông dân ra đồng” là mô hình cán bộ kỹ thuật “nằm vùng” cùng ăn, cùng ở, cùng làm với bà con nông dân trong suốt mùa vụ.

Mô hình: “cánh đồng mẫu lớn” là mô hình liên kết 4 nhà thâm canh lúa hiệu quả, bền vững theo hướng GAP, tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa hàng hóa xuất khẩu chất lượng cao.

<sup>(2)</sup> Đàn trâu: 3.757 con; đàn bò: 84.485 con; đàn dê: 64.696 con; đàn cừu: 86.910 con và đàn heo 70.280 con; gia cầm với tổng đàn 1.545.300 con (gà 851.600 con và vịt 693.700 con). Tổng hợp từ Báo cáo của Ủy ban Nhân dân 2 tỉnh về tổng kết 20 năm thực hiện thông tri 03-TT/TW về công tác với đồng bào Chăm.

<sup>(3)</sup> Hồ Đại Ninh, hồ Sông Quao, hồ Cà Giây, hồ Sông Lòng Sông, nhiều công trình thủy lợi nhỏ và vừa như đập Đồng Đế, Ế Thay, Nha Mừng... và hệ thống kênh mương nối mạng phủ khắp các vùng canh tác đã và đang phát huy tác dụng.

<sup>(4)</sup> Sản xuất lúa nước từ 1-2 vụ, tăng lên 2-3 vụ (năm 2014); năng suất bình quân từ 35 - 40 tạ/ha/vụ (năm 2004) tăng lên 50 - 60 tạ/ha/vụ (năm 2014), trong đó có xã đạt 70 tạ/ha/vụ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận, 2013: 5)

<sup>(5)</sup> Theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp hai tỉnh, đến năm 2018, vùng đồng bào Chăm hai tỉnh đã thành lập được 12 hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, với 3.190 cổ đông.

<sup>(6)</sup> Theo Báo cáo của sở Nông nghiệp hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, đến 2018, vùng đồng bào Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận có đến 54 trang trại kiểu mới.

<sup>(7)</sup> Đến năm 2018, tổng số con giống được cải tạo ở vùng đồng bào Chăm của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận: cải tạo giống bò theo hướng chuyên thịt được 1.020 bò cái có chữa và 37 bò đực giống, cải tạo đàn cừu 5.820 con cái và 200 đực giống, nuôi heo sinh sản theo hướng nạc 231 con giống, chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học 9.700 con giống, chăn nuôi gà thả vườn 5.000 con (Tổng hợp từ Báo cáo của Ủy ban Nhân dân 2 tỉnh về tổng kết 20 năm thực hiện thông tri 03-TT/TW về công tác với đồng bào Chăm).

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận. 2013. Báo cáo số 110/BC-SNN, về Tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 03-TT/TW, ngày 17/01/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII) về “công tác đối với đồng bào Chăm”, ngày 20/3/2013.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận. 2013. Báo cáo số 119/BC-SNN, về Tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 03-TT/TW, ngày 17/01/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII) về “công tác đối với đồng bào Chăm”, ngày 22/4/2013.
3. Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Phước. 2014. Báo cáo số 121 /BC-UBND, về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 06/2004/CTTTg ngày 18/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ, về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới (giai đoạn 2004 - 2014), ngày 01/9/2014.

4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. 2015. Báo cáo số 237/BC-UBND, về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới*, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận, ngày 15/9/2015.
5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận. 2015. Báo cáo số 221/BC-UBND, về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 06/2004/CTTTg ngày 18/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ, về *việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới (giai đoạn 2004 - 2014)*, ngày 22/9/2015.
6. Ủy ban Nhân dân xã Phan Thanh. 2018. Báo cáo số 221-BC/UBND về *tổng kết năm 2018 và phương hướng 2019*.
7. Ủy ban Nhân dân xã Phan Thanh. 2018. Báo cáo số 29/BC-UBND, về Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới*, 22/5/2018.
8. Ủy ban Nhân dân xã Phước Nam. 2017. Báo cáo số 145-BC/UBND về *phương án sản xuất vụ đông xuân 2017 - 2018*.
9. Ủy ban Nhân dân xã Phước Nam. 2018. Báo cáo số 115-BC/UBND về *tổng kết năm 2018 và phương hướng 2019*.